

Số: **96** /2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 05 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hà Xuân D** - Sinh năm 1979;

Nơi đăng ký HKTT: Khu L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện tại: Khu 2, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Chị **Trần Thị Anh V** - Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 2, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân xã N;

Địa chỉ: Khu 3, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn B - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Nơi cư trú: Khu 4, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành*” ngày 29 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành*” ngày 29 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Xuân D và chị Trần Thị Anh V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Hà Xuân D và chị Trần Thị Anh V đều xác nhận có 02 con chung là Hà Phương T, sinh ngày 05/12/2012 và Hà Phương T, sinh ngày 29/7/2017. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị V tại khu 2, xã N.

Chị V và anh D tự nguyện thỏa thuận: Khi ly hôn chị Trần Thị Anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về con riêng: Chị Trần Thị Anh V có 01 con riêng là cháu Phan Sỹ H, sinh ngày 25/02/2004, hiện nay đang ở với chị V, chị V tự chăm sóc, nuôi dưỡng không liên quan đến anh D.

2.2. Về tài sản chung: Anh Hà Xuân D và chị Trần Thị Anh V xác định có các tài sản chung như đã kê khai, không yêu cầu thẩm định, định giá tài sản và tự nguyện thỏa thuận như sau:

Chị Trần Thị Anh V được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 415, tờ bản đồ số 54, diện tích 137,5m² tại khu 2, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đứng tên bà Trần Thị Anh V và ông Hà Xuân D, được UBND huyện T cấp ngày 02/8/2021, số vào sổ cấp GCN: CH003913 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà xây lợp ploci mằng 90m² và các công trình phụ xây trên đất và các tài sản trong nhà. (Đất, nhà cùng toàn bộ tài sản trên hiện nay chị V đang quản lý và sử dụng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Chị V không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh D.

2.3. Về nợ chung: Chị Trần Thị Anh V có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ chung là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) tiền gốc và lãi phát sinh của Quỹ tín dụng nhân dân xã N, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ đúng kỳ hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án, kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về các vấn đề khác: Anh Hà Xuân D và chị Trần Thị Anh V xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Hà Xuân D nhận nộp cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh D đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0003376 ngày 12/4/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Hoàn trả cho anh Hà Xuân D số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba;
- UBND xã Ninh Dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Xuân